

Bản án số: 56/2023/HS-ST
Ngày: 04-4-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN O, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Anh Đức.
1. Bà Võ Thị Mai.
2. Bà Châu Thị Lệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp – Thư ký Toà án nhân dân quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân quận O, Thành phố Hồ Chí Minh – Số 416/2 đường Dương Quảng Hàm, Phường 5, quận O, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 47/2023/HSST ngày 27/02/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HS ngày 13/3/2023, đối với bị cáo:

Lê Mai U; Sinh năm 1979, tại Tp. Hồ Chí Minh; Thường trú: Đường N, Phường M, quận B, Tp. Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn P và bà Mai Thị Á; Chồng Ngô Viết Á, sinh năm 1975 (đã ly hôn); có 03 con lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam ngày 21/8/2022 (Có mặt tại phiên tòa).

-Bị hại: Công ty TNHH S.
Địa chỉ: Đường CT, Phường Q, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Cao Thị Thu H, sinh năm 1959 (Vắng mặt).
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1959 (Vắng mặt).

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Ngân hàng TMCP G-Chi nhánh TP-Phòng giao dịch TQ.
Địa chỉ: đường GD, phường TSN, quận K, Tp. Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Hoàng Đ (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng H, sinh năm 1982 (Có mặt).

2/Công ty TNHH X.

Địa chỉ: Đường số 52, phường TT, quận D, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thành T, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần thiết bị TAB do Lê Mai U là đại diện theo pháp luật, địa chỉ: đường NVD, phường U, quận O, thành phố Hồ Chí Minh có ký kết hợp đồng lắp đặt số 16/HĐTC/2019-TAB vào ngày 19/9/2019 với Công ty TNHH X, địa chỉ đường 52, phường TT, quận D, thành phố Hồ Chí Minh về việc lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động thuộc dự án: Nâng cấp, sửa chữa cải tạo khu vực Trần Bình - Lê Tấn Kế chợ Bình Tây, địa chỉ: Tháp Mười, phường E, Quận R, thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị hợp đồng là 1.556.242.663 đồng (một tỉ năm trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng). Để phục vụ việc cải tạo, lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động, ngày 07/10/2019, Lê Mai U đến Công ty TNHH S, địa chỉ đường CT, Phường Q, Quận B để trao đổi mua bán thiết bị về phòng cháy, chữa cháy. Sau đó Lê Mai U cho nhân viên trao đổi mua bán hàng hóa với Công ty S qua Email. Vì đã từng trao đổi mua bán với nhau nhiều lần nên 2 bên chỉ trao đổi qua Email và không làm hợp đồng mua bán. Công ty TAB và Công ty S thống nhất mua bán: 01 trung tâm báo cháy 1 loop (127 địa chỉ); 28 Module kết nối đầu báo thường; 02 Module điều khiển chuông, đèn; 01 bộ nguồn phụ 24VDC-10A; 744 cái đầu báo khói thường; 15 nút nhấn khẩn địa chỉ; 15 chuông báo cháy, 15 đèn báo cháy, tất cả đều của hãng sản xuất Hochiki. Tổng giá trị đơn hàng là 404.800.220 đồng (Bốn trăm lẻ bốn triệu, tám trăm nghìn, hai trăm hai mươi đồng). Tại thời điểm này do Công ty TAB đang gặp khó khăn về tài chính nên Lê Mai U đã đề nghị phía Công ty S giao hàng trước và Lê Mai U sẽ thanh toán sau. Công ty S đồng ý nhưng yêu cầu Công ty TAB cung cấp chứng thư bảo lãnh thanh toán thì mới đồng ý giao hàng. Do có quen biết ngoài xã hội với một người tên Nguyễn Văn M (chưa rõ nhân thân lai lịch), nên Lê Mai U đã nhờ Nguyễn Văn M giúp có được 01 chứng thư bảo lãnh thanh toán với phí là 3% so với giá trị của chứng thư bảo lãnh. Sau đó, Nguyễn Văn M đã đến công ty của Lê Mai U và yêu cầu cung cấp thông tin về công ty cùng với hợp đồng mua bán giữa Công ty TAB và Công ty S. Nguyễn Văn M không yêu cầu Lê Mai U ký bất kỳ giấy tờ nào và cũng không đến ngân hàng để thực hiện thủ tục làm chứng thư. Khoảng 01 tuần sau, Nguyễn Văn M đưa cho Lê Mai U chứng thư bảo lãnh thanh toán số MD33241 ngày 27/12/2019 của Ngân hàng TMCP G, Lê Mai U trị giá 1.000.000.000 đồng, thì Lê Mai U đưa cho Nguyễn Văn M 30.000.000 đồng làm tiền phí như đã thỏa thuận. Lê Mai U biết

chứng thư bảo lãnh thanh toán nêu trên là giả, tuy nhiên vì cần hàng hóa để thi công gấp nên Lê Mai U đã cung cấp cho Công ty S.

Sau khi có chứng thư bảo lãnh giả của ngân hàng, Lê Mai U đã cung cấp cho Công ty S 01 chứng thư bảo lãnh thanh toán số MD33241 do Ngân hàng TMCP G - Phòng giao dịch TQ phát hành đề ngày 27/12/2019. Nhận được chứng thư bảo lãnh thanh toán của Lê Mai U, ngày 06/1/2020 Công ty S giao hàng cho Công ty TAB tại chợ Bình Tây, địa chỉ: Tháp Mười, phường E, Quận R, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 03/3/2020, Lê Mai U xác nhận nhận đủ hàng hóa từ Công ty S và cam kết đến ngày 14/3/2020 sẽ thanh toán hoàn toàn số tiền 404.800.220 đồng. Tuy nhiên đến thời điểm cam kết Lê Mai U không thực hiện thanh toán, nên Công ty S đã đến Ngân hàng TMCP G để yêu cầu thực hiện chứng thư bảo lãnh. Ngân hàng đã từ chối thanh toán và thông báo chứng thư MD33241 là giả không phải của ngân hàng cung cấp. Ngày 26/8/2020, Công ty TNHH S đã làm đơn tố cáo Lê Mai U đến Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận O.

Đồng thời, khi Lê Mai U thực hiện công trình do công ty X bàn giao, trong khoảng thời gian từ 26/09/2019 đến 14/3/2020 Lê Mai U đã nhận được số tiền tạm ứng 1.230.000.000 đồng (một tỉ hai trăm ba mươi triệu đồng bằng hình thức chuyển khoản và nhiều lần nhận trực tiếp bằng tiền mặt). Tuy nhiên đến ngày 14/3/2020 là thời hạn phải thanh toán tiền hàng, nhưng Lê Mai U vẫn không thực hiện việc thanh toán cho Công ty S, mặc dù trước đó Uyên đã rất nhiều lần nhận tiền từ phía công ty X.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận O, Lê Mai U đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, vì do không có tiền để thanh toán cho hợp đồng ký kết giữa Công ty cổ phần thiết bị TAB và Công ty TNHH S về việc cung cấp trang thiết bị cho Công trình lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động thuộc dự án: Nâng cấp, sửa chữa cải tạo khu vực Trần Bình - Lê Tấn Kế chợ Bình Tây, địa chỉ: Tháp Mười, phường E, Quận R, thành phố Hồ Chí Minh, nên Lê Mai U đã nảy sinh ý định làm chứng thư bảo lãnh giả của ngân hàng nhằm tạo lòng tin chiếm đoạt tạo lòng tin chiếm đoạt số hàng hoá trang thiết bị báo cháy trị giá 404.800.220 đồng của Công ty TNHH S.

Vật chứng vụ án: 01 chứng thư bảo lãnh thanh toán số MD33241 ngày 27/12/2019 của Ngân hàng TMCP G. Căn cứ kết luận giám định số 3281/C09B ngày 09/7/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, hình dấu tròn có nội dung: “Ngân hàng TMCP G - Chi nhánh TP - Phòng giao dịch TQ” trên tài liệu cần giám định: “Thư bảo lãnh thanh toán” số MD33241 ngày 27/12/2019 so với hình dấu tròn có nội dung của “Ngân hàng TMCP G - Chi nhánh TP - Phòng giao dịch TQ” trên tài liệu mẫu so sánh do Ngân hàng TMCP G - Chi nhánh TP - Phòng giao dịch TQ cung cấp là không phải cùng một con dấu đóng ra. (kèm theo hồ sơ vụ án)

Về trách nhiệm dân sự: Lê Mai U đã khắc phục hậu quả cho Công ty S số tiền 50.000.000 đồng. Đại diện của Công ty S đã nhận số tiền trên và làm đơn bãi nại cho Lê Mai U.

Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKS-Q.GV ngày 21/02/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân quận O, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Mai U về các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3, Điều 174 và tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1, Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận O, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ là trong quá trình điều tra, bị can thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo:

-Từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 07 năm 09 tháng đến 09 năm tù.

Đề nghị buộc bị cáo Lê Mai U trả lại cho Công ty TNHH S số tiền 354.800.220 đồng.

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận O, Tp. Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận O, Tp. Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Mai U tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo thừa nhận hành vi do không có tiền để thanh toán cho hợp đồng ký kết giữa Công ty cổ phần thiết bị TAB (do Lê Mai U làm giám đốc công ty) và Công ty TNHH S về việc cung cấp trang thiết bị cho Công trình lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động thuộc dự án: Nâng cấp, sửa chữa cải tạo khu vực Trần Bình - Lê Tấn Kế chợ Bình Tây, địa chỉ: Tháp Mười, phường E, Quận R, thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng tháng 10/2019, Lê Mai U đã cung cấp các thông tin liên quan đến Công ty TAB cho đối tượng Nguyễn Văn M (chưa rõ nhân thân lai lịch) để

Nguyễn Văn M làm giả cho Lê Mai U 01 chứng thư bảo lãnh thanh toán giả số MD33241 ngày 27/12/2019 của Ngân hàng TMCP G nhằm mục đích tạo lòng tin chiếm đoạt số hàng hoá trang thiết bị báo cháy trị giá 404.800.220 đồng của Công ty TNHH S. Việc truy tố, luận tội của Viện kiểm sát nhân dân quận O, Tp. Hồ Chí Minh đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đủ cơ sở xác định bị cáo Lê Mai U phạm các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 và tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1, Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan, tổ chức trong hoạt động quản lý. Bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản trị giá 404.800.220 đồng là tình tiết định khung được quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 174 của Bộ luật Hình sự, bị cáo làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là tình tiết định khung được quy định tại khoản 1, Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần phải có mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng giáo dục và phòng chống tội phạm nói chung.

[4]. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo, bị cáo lần đầu phạm tội, nhân thân tốt nên áp dụng điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm để áp dụng hình phạt đối với bị cáo.

[5]. Bị cáo phạm nhiều tội nên tổng hợp hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm.

[6]. Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5, Điều 174 và khoản 4, Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm. Xét hoàn cảnh của bị cáo nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7]. Đối với đối tượng Nguyễn Văn M là người làm chứng thư bảo lãnh thanh toán số MD33241 giả cho Lê Mai U, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch, khi nào xác định được đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[8]. Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chứng thư bảo lãnh thanh toán số MD33241 ngày 27/12/2019 của Ngân hàng TMCP G giả. Xét thấy, là chứng cứ của vụ án nên lưu theo hồ sơ vụ án (đã kèm theo hồ sơ vụ án).

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa các bị hại là Công ty TNHH S vắng mặt nhưng qua hồ sơ thể hiện quá trình điều tra Công ty TNHH S đã nhận của bị cáo số tiền 50.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo Lê Mai U phải trả lại số tiền 354.800.220 đồng, bị cáo Lê Mai U đồng ý trả lại số tiền theo yêu cầu của bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu của bị hại buộc bị cáo Lê Mai U trả lại cho Công ty TNHH S số tiền 354.800.220 đồng.

[10]. Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm.

[11]. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Mai U phạm các tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 174; khoản 1, Điều 341; điểm b, điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Mai U 07 (bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 09 (chín) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành phạt chung của hai tội là 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 21/8/2022.

- Căn cứ Điều 46; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Mai U trả lại cho Công ty TNHH S số tiền 354.800.220 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 17.740.001 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận O;
- Công an quận O;
- Trại giam nơi giam bị cáo;
- Cơ quan Thi hành án dân sự quận O;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Đức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Đức